

## NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIỂU HỌC Ở SINGAPORE VÀ VIỆT NAM (BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT LỚP 2)

Nguyễn Thị Hương Lan<sup>\*1</sup>, Phạm Linh Trang<sup>2</sup>, Nguyễn Thu Trang<sup>2</sup> và Ngô Băng Tâm<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

<sup>2</sup>*K69 - Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Trong hai bộ sách Tiếng Anh tiểu học ở Singapore (Bộ *My Pals are here! English 2*) và sách *Tiếng Việt 2* ở Việt Nam (Bộ Chân trời sáng tạo) có một cặp bài đọc dạy về cùng một chủ đề bài đọc, đó là bài đọc thể hiện hành vi ứng xử của nhân vật. Trong bài viết này chúng tôi áp dụng khung lí thuyết đánh giá (Appraisal Framework) để phân tích và so sánh ngôn ngữ đánh giá trong hai bài đọc này. Từ đó chúng tôi so sánh những điểm giống và khác nhau trong cách thể hiện đánh giá thông qua ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu có thể giúp các nhà biên soạn sách giáo khoa cân nhắc đưa ra thêm những gợi ý về ngữ liệu đưa vào chương trình, đồng thời giúp các giáo viên phát triển ngữ liệu giảng dạy cũng như soạn bài giảng với mục đích cuối cùng là góp phần giảng dạy bộ sách giáo khoa mới được hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** sách giáo khoa, khung lí thuyết đánh giá, ngôn ngữ đánh giá.

### 1. Mở đầu

Tiếng Việt là môn học đóng vai trò quan trọng trong chương trình giáo dục tiểu học bởi lẽ nó là phương tiện để dạy học các môn học khác. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể tổng thể 2018 “được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp học sinh phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, trở thành người học tích cực, tự tin...” [1]. Việc chuyển đổi định hướng giáo dục từ “coi trọng nội dung”, “Học sinh học được gì” sang “hình thành phẩm chất và năng lực cho người học”, “Học sinh làm được gì” đặt ra vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học, cách tổ chức dạy học để đạt định hướng đề ra. Sách giáo khoa tiếng Việt cũng được đổi mới nhằm thoả mãn yêu cầu cần đạt, mục tiêu của chương trình 2018. Thay vì sử dụng 1 bộ SGK duy nhất là pháp lệnh thì hiện nay, Việt Nam có ba bộ sách Giáo khoa tiếng Việt để lựa chọn. Sách giáo khoa tiếng Việt bậc tiểu học mới chính thức đưa vào sử dụng trong những năm gần đây, nên những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài này chưa nhiều, đặc biệt là rất ít nghiên cứu đi sâu vào một bình diện ngôn ngữ cụ thể nào. Do đó còn nhiều khoảng trống để chúng tôi triển khai nghiên cứu này với mục đích tìm hiểu ngôn ngữ đánh giá thể hiện chức năng liên nhân trong sách giáo khoa *Tiếng Việt lớp 2*. Chúng tôi tập trung vào ngôn ngữ đánh giá là bởi lẽ ngôn ngữ đánh giá là cơ sở để thúc đẩy, khuyến khích học sinh nêu lên suy nghĩ, đánh giá của bản thân về một tác phẩm nghệ thuật hay nhân vật, hành vi có trong văn bản đọc. Ở bài báo này, chúng tôi lựa chọn so sánh nội dung đọc hiểu ngôn ngữ quốc gia ở tiểu học cụ thể là lớp 2 của Việt Nam với Singapore - một nước có nền giáo dục phát triển trong khu vực để làm cơ sở cho những ý tưởng đổi mới về phương pháp dạy học ngôn ngữ đánh giá. Từ đó, góp phần vào việc dạy học đọc hiểu văn bản của học sinh cụ thể là lớp 2 được hiệu quả hơn.

---

Ngày nhận bài: 21/1/2022. Ngày sửa bài: 22/3/2022. Ngày nhận đăng: 10/4/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hương Lan. Địa chỉ e-mail: [lanth@hnue.edu.vn](mailto:lanth@hnue.edu.vn)

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Lí thuyết về ngôn ngữ học chức năng hệ thống và ngôn ngữ đánh giá

Trong lĩnh vực nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ gần đây quan tâm nhiều đến lí thuyết ngôn ngữ dựa trên ý nghĩa của Halliday [2], ngôn ngữ học chức năng hệ thống (SFL), nhấn mạnh sự cần thiết phải hỗ trợ giáo viên có kiến thức sâu rộng về chức năng của ngôn ngữ trong chương trình học và trong các cấp lớp [3].

Theo quan điểm của các nhà ngôn ngữ học chức năng hệ thống, có 3 thành tố mang chức năng ngữ nghĩa chính [4]:

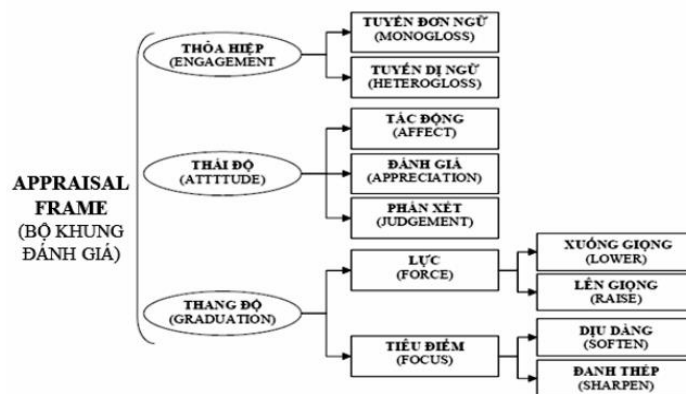
- *Chức năng tư tưởng* (chức năng biểu ý – ideational): liên quan đến việc biểu đạt nội dung, tức là kinh nghiệm chủ quan và khách quan của con người [5]. Chức năng này chia thành hai mặt: kinh nghiệm (hoàn cảnh, mối quan hệ giữa các đối tượng tham gia, chẳng hạn: tác thể, quá trình...) và lôgic (quan hệ sắp xếp giữa các câu nói theo các quan hệ như: bình đẳng, nhân quả, điều kiện ...)

- *Chức năng liên nhân* (interpersonal): liên quan đến các chức năng xã hội, tức là dùng ngôn ngữ biểu đạt các mối quan hệ xã hội và cá nhân, bao gồm hình thức lời nói trong tình huống ngôn ngữ [5].

- *Chức năng tạo văn bản* (textual): là chức năng làm thế nào để các bộ phận tạo thành ngôn ngữ có mối quan hệ với nhau [5].

Ba thành tố mang chức năng ngữ nghĩa này tương ứng với ba biến tố trường (field), không khí (tenor) và cách thức (mode) và theo thuật ngữ của Martin và Rose [6, 7] đó chính là ngữ cảnh tình huống. Trong giao tiếp, ngôn ngữ con người sử dụng không chỉ phụ thuộc vào ngữ cảnh tình huống mà còn phụ thuộc vào ngữ cảnh văn hóa hay thể loại [6, 7].

Khung lí thuyết đánh giá [8], cơ sở lí luận cho nghiên cứu này, là một mô hình chức năng có ý nghĩa liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn, được sử dụng để nghiên cứu quan điểm đánh giá được thể hiện qua ngôn ngữ. Có 3 phạm trù nghiên cứu bao gồm **thỏa hiệp**, **thái độ** và **thang độ** được thể hiện trong hình sau:



Hình 1. Bộ khung đánh giá [8], trích dẫn trong [9]

Trong bài báo này chúng tôi chỉ giới hạn phân tích **thái độ** và **thang độ**. Các giá trị trong phạm trù **thái độ** bao gồm: *tác động* (affect), *phán xét* (judgement) và *đánh giá* (appreciation). **Thang độ** liên quan đến mức độ của các giá trị.

*Tác động* liên quan đến các phản ứng về mặt cảm xúc, được phân chia ra thành các nguồn lực để diễn tả các cảm xúc khác nhau như *tác động hạnh phúc/ bất hạnh* (un/happiness), *tác động an toàn/ không an toàn* (in/security), *tác động thỏa mãn/ không thỏa mãn* (dis/satisfaction), *tác động mong muốn/ không mong muốn* (dis/inclination) [10].

Trong sách Tiếng Anh *My pals are here! English 2*, có các ví dụ thể hiện *tác động* như sau: Ở bài “The King’s wishes” (Mong muốn của nhà vua): “But I like our small palace,” said the queen. “I am happy here.” (“Nhưng tôi thích cung điện nhỏ của chúng ta,” nữ hoàng nói. “Tôi hạnh phúc ở đây.”) Qua các từ được gạch chân đã thể hiện sự *thỏa mãn* của nhân vật. “I wish to have a grand palace,” he said to the queen. (“Tôi muốn có một cung điện lớn,” ông nói với nữ hoàng). Qua từ được gạch chân đã thể hiện sự *mong muốn* của nhân vật. Trong bài “Wishes and dreams” viết: “And at times like this, I’m glad I’m me.” (Và vào những lúc như thế này, Tôi vui vì tôi là tôi.) Qua từ được gạch chân đã thể hiện sự *hạnh phúc* của nhân vật.

Trong bộ sách lớp 2 *Chân trời sáng tạo* có các ví dụ thể hiện *tác động* như sau: Trong bài “Tóc xoắn và tóc thẳng” viết: “Cô bé rất vui”, từ vui đã thể hiện cảm xúc *hạnh phúc* của nhân vật. Ở bài “Bạn mới” viết: “Kim thích thú trò chuyện với hai người bạn mới, mỗi bạn giúp Kim biết thêm bao điều thú vị. Từ thích thú thể hiện sự *thỏa mãn* của Kim. Trong bài *Cô chủ không biết quý trọng tình bạn* viết: “Ta không muốn kết thân với một cô chủ không biết quý trọng tình bạn.” Cụm từ không muốn thể hiện thái độ *không mong muốn* của chủ chó.

*Phán xét* liên quan đến các thái độ xét về một hành vi ứng xử, được phân chia ra làm 2 phạm trù nhỏ: *sự thừa nhận của xã hội* (social esteem) và *chuẩn mực xã hội* (social sanction). *Phán xét thừa nhận xã hội* bao gồm *phán xét bình thường* (normality), *phán xét khả năng* (capacity) và *phán xét kiên trì* (tenacity). *Phán xét chuẩn mực xã hội* bao gồm *phán xét chân thật* (veracity) và *phán xét khuôn phép* (propriety) [10].

Trong sách Tiếng Anh *My pals are here! English 2*, có các ví dụ thể hiện *phán xét* như sau: Ở bài “Centipede’s new shoes” (Những chiếc giày mới của rết) có: “You are clever, Centipede!” (“Anh thông minh quá, Rết!”) Cụm từ thông minh thể hiện *phán xét khả năng của nhân vật*. Trong bài *Grandpa’s Plant* (Cây của ông) có viết: Grandpa waited and waited. (Ông đợi và đợi.) Câu văn này thể hiện *phán xét kiên trì* của ông.

Trong bộ sách lớp 2 *Chân trời sáng tạo* có các ví dụ thể hiện *phán xét* như sau: Bài *Chuyện bốn mùa* viết: “...Các con đều có ích, đều đáng yêu.”, từ có ích thể hiện *phán xét thừa nhận xã hội* (đáng chú ý). Và câu “Cháu có công áp ủ mầm sống để cây cối đâm chồi nảy lộc”, cụm có công áp ủ mầm sống để cây cối đâm chồi nảy lộc đã thể hiện *phán xét thừa nhận xã hội (kiên trì)*. Trong văn bản “Khu vườn tuổi thơ” viết: “Con sắp đoán được hết các loại hoa của bố rồi.”, sắp đoán được hết đã thể hiện *phán xét thừa nhận xã hội (khả năng)*. Trong bài *Quê mình đẹp nhất* viết: “May sao, chị gió tốt bụng đi ngang qua”, từ tốt bụng thể hiện sự *phán xét chuẩn mực xã hội*.

*Đánh giá* bao gồm đưa ra nhận xét về các sự vật, hiện tượng. Các ví dụ *đánh giá* trong hai bộ sách tiếng Việt và tiếng Anh được gạch chân trong các ví dụ sau:

Trong sách tiếng Việt: Ở bài *Cây và hoa bên lăng Bác* viết: “Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng lên niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào lăng viếng Bác.”, cụm từ dâng lên niềm tôn kính thiêng liêng thể hiện *đánh giá sự kính trọng của cây, hoa với vị lãnh tụ vĩ đại*. Trong *Chuyện quả bầu* viết: “Vừa chuẩn bị xong thì mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông.”, từ to, lớn, mênh mông thể hiện *đánh giá sự vật, hiện tượng (con bão)*.

Trong sách tiếng Anh, trong bài *The storm* (Con bão) có viết: Once, a fierce storm called a cyclone blew across a small island in the Pacific Ocean. It was so strong that it blew the roofs off the houses. (Một lần, một con bão dữ dội được gọi là lốc xoáy thổi qua một hòn đảo nhỏ ở Thái Bình Dương. Nó manh đến nỗi nó thổi bay mái nhà.)

Qua các ví dụ có thể thấy rằng, **thái độ** có thể là tích cực hay tiêu cực, được biểu hiện hàm ngôn hay hiển ngôn.

Ý nghĩa quan trọng thứ hai trong hệ thống ý nghĩa của Khung đánh giá là **thang độ**, tức là độ cao (up-scaling)/ thấp (down-scaling) của các ý nghĩa biểu thái. Một thuộc tính chung của các giá trị *tác động*, *phán xét* và *đánh giá* là kiến tạo nên các cấp độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho

tính tích cực và tiêu cực của các hành động hoặc sự kiện... cần được đánh giá.

*Lực* (force) là loại thang độ có liên quan đến cường độ / số lượng vận hành qua các phạm trù có liên quan đến những đánh giá mang tính thang độ, ví dụ như các đánh giá về tình thái không chỉ nhằm nêu ví dụ tiêu biểu mà còn ở các đánh giá về kích cỡ, chất lượng, phạm vi, độ gần – xa về không gian, thời gian... [10].

Trong bộ *Chân trời sáng tạo*, bài *Đằm sen* có viết: “Hương sen thơm ngát từ cánh đồng đưa lên làm dịu hẳn cái nóng ngột ngạt của trưa hè”. Từ *nóng ngột ngạt* thể hiện nhấn mạnh ngữ nghĩa là trời rất nóng.

*Tiêu điểm* (Focus) là loại thang độ có liên quan đến sự nhấn mạnh hoặc loại giảm nhẹ, vận hành khi các hiện tượng được đo lường bằng mức độ khi chúng tương ứng với một chỉ tiết lượng giá cốt lõi hoặc một ví dụ mẫu mực của một phạm trù ngữ nghĩa nào đó [10].

Trong bộ *Chân trời sáng tạo*, bài *Làm việc thật là vui* có viết: “Bé cũng luôn luôn bận rộn mà công việc lúc nào cũng nhộn nhịp, cũng vui”. Từ *luôn luôn* thể hiện sự nhấn mạnh mức độ, tần suất. Trong sách Tiếng Anh *My Pals are here*, bài *The King’s wishes* (Mong ước của nhà vua) có viết: “The King was no longer happy”. Từ *no longer* thể hiện mức độ.



## 2.2. Ngôn ngữ đánh giá trong sách lớp 2 ở Việt Nam và Singapore

Bộ sách *Chân trời sáng tạo* là một trong ba bộ sách giáo khoa tiếng Việt lớp 2 được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức phê duyệt. Lấy điểm nhìn từ người học các nhà biên soạn xây dựng hệ thống chủ điểm mở dần từ bản thân, gia đình, nhà trường, đến thiên nhiên, đất nước, con người v.v... Mỗi bài học là một chủ đề được lựa chọn dựa trên cơ sở các chủ điểm. Mỗi bài học trong sách bao gồm: đọc, viết, luyện từ và câu, từ vựng, mẫu câu,...

Trong bộ sách *My pals are here! English 2* của Singapore, các bài học cũng được sắp xếp theo chủ đề và chủ điểm. VD. Unit 9: Sounds,... Một bài học trong sách được cấu trúc bao gồm có các phần: đọc (Reading), từ vựng (Vocabulary), cấu trúc ngữ pháp (Grammar), vấn đáp (Oral). Thông qua việc đọc những mẫu truyện đơn giản, học sinh học ngữ pháp, từ vựng. Mỗi Unit có 2 bài đọc kèm theo danh mục khuyến khích học sinh tìm hiểu và đọc mở rộng. Ngoài ra còn có chú thích các điểm cần lưu ý khi giảng dạy cho cả GV và phụ huynh.

Sau khi khảo sát 2 bộ sách, chúng tôi đã chọn ra 2 bài cùng thể loại truyện thiếu nhi viết về những bài học, trải nghiệm cùng người thân. Đó là *Cô chủ nhà tí hon* (Chủ đề: Ông bà yêu quý) và *Sam at the cinema* (Unit 7: The feeling). Đây là thể loại văn bản được học sinh ở bậc tiểu học rất yêu thích. Ấn sau mỗi câu chuyện là bài học cho các em về cách ứng xử với mọi người cho phù hợp trong các trường hợp, hoàn cảnh khác nhau. Sau đây chúng tôi đưa ra phân tích ngôn ngữ đánh giá được thể hiện trong hai câu chuyện. Chúng tôi trình bày các loại ngôn ngữ đánh giá theo màu sắc và kí hiệu [11] trong các bảng dưới đây. **Màu hồng: tác động; màu xanh da trời: phán xét; màu xanh lá cây: đánh giá.** Ngoài ra còn có 1 số kí hiệu như sau: gạch chân: chủ thể được đánh giá; + ve: mang nghĩa tích cực, - ve: mang nghĩa tiêu cực.

### a. *Sam at the cinema*

Trích từ văn bản	Loại ngôn ngữ đánh giá
<u>It</u> (film) was a <b>good</b> <u>film</u> .	+ ve <b>đánh giá</b>
Sam <b>laughed out loud</b> during the <b>funny</b> <u>parts</u> .	+ ve <b>tác động vui sướng (cười vang)</b>  - ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b> + ve <b>đánh giá</b>
He <b>cried</b> during the <b>sad</b> <u>parts</u> .	- ve <b>tác động buồn</b>  - ve <b>phán xét</b>

	- ve <b>đánh giá</b>
“ <i>Be quiet!</i> ” people said, “we <b>can’t hear the film</b> . You’re <b>making too much noise</b> .”	- ve <b>tác động không hài lòng</b> - ve <b>tác động không hài lòng</b> - ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b>
Then came an <b>exciting part</b> .	+ ve <b>đánh giá</b>
Sam <b>jumped up and down</b> “ <b>Yeah! Yeah!</b> ” he <b>shouted</b> .	+ve <b>tác động vui sướng</b> (Sam nhảy nhót và hét lên “ <b>Yeah! Yeah!</b> ”) ➡ -ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b>
He <b>dropped his popcorn everywhere</b> .	-ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b>
“ <b>BE QUIET!</b> ” people said <b>angrily</b> .	- ve <b>tác động không hài lòng</b>
“Did you have a <b>good time?</b> ” Mum asked.	+ ve <b>tác động thỏa mãn</b>
“ <b>Great!</b> ” said Sam. “ <b>Awful!</b> ” <b>groaned</b> Tom.	+ ve <b>tác động thỏa mãn</b> - ve <b>tác động không hài lòng</b>

Trong câu chuyện này ngôn ngữ đánh giá cũng được sử dụng ở các thang độ khác nhau như: *little, good, funny, sad, loud, exciting, angrily, great, awful, too much*. Ngoài ra dấu chấm than và dấu ngoặc kép được sử dụng nhằm nhấn mạnh ý nghĩa đánh giá.

Từ phân tích chúng ta có thể thấy phạm trù *tác động* được sử dụng nhiều nhất trong câu chuyện này. Thông qua phạm trù *tác động* gián tiếp *phán xét* hành vi của Sam. Khi dạy văn bản này giáo viên có thể thêm một vài câu hỏi để học sinh đánh giá như là: Em có tán thành với những hành động của Sam không? Vì sao?; Nếu em là John (anh trai của Sam), em sẽ làm gì?;...

### b. Cô chủ nhà tí hon

Trích từ văn bản	Loại ngôn ngữ đánh giá
Đến bữa cơm, thấy <b>thức ăn mẹ nấu hấp dẫn</b> , Vân <b>liền chạy tới bàn, định nếm thử</b> .	+ ve <b>đánh giá</b> + ve <b>tác động vui sướng</b>
<b>Ông</b> nhìn Vân, <b>neho mắt cười</b> : - Mời cả nhà cùng ăn cơm nào!	+ ve <b>tác động hạnh phúc</b>
Ăn xong, ông <b>nhìn Vân âu yếm</b> : - Tắm nhà mình để ở đâu nhỉ? Cô <b>chủ nhà tí hon</b> lấy giúp ông với nào.	+ ve <b>tác động hạnh phúc</b> + ve <b>phán xét thừa nhận xã hội</b>
Ông gọi Vân là “ <b>cô chủ nhà tí hon</b> ” đấy!	+ ve <b>phán xét thừa nhận xã hội</b>
Vân bỗng thấy mình <b>thật quan trọng</b> .	+ ve <b>phán xét thừa nhận xã hội</b>
Cô bé <b>bèn chạy đi lấy tắm, lễ phép đưa cho ông</b> .	+ ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b>
Em cũng <b>không quên</b> mang tắm cho cả bố và mẹ.	+ ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b>
- Cô chủ nhà tí hon <b>ngoan</b> quá! – Ông <b>cười khích lệ</b> .	+ ve <b>phán xét chuẩn mực xã hội</b> + ve <b>tác động hạnh phúc</b>
Chỉ ra chơi mấy hôm, ông đã mang đến cho Vân biết bao <b>điều thú vị</b> .	+ ve <b>đánh giá</b>
Vân cảm thấy mình <b>ra dáng một cô chủ nhà tí hon</b> , đúng như lời ông nói.	+ ve <b>phán xét thừa nhận xã hội</b>

Trong câu chuyện ngôn ngữ đánh giá cũng được sử dụng ở các thang độ khác nhau như: *hấp dẫn, âu yếm, quan trọng, lễ phép, ngoan, khích lệ, thú vị, tí hon, quá, thật, chỉ, bèn, cũng, bao, đấy...* Cũng giống như câu chuyện tiếng Anh, trong câu chuyện này dấu chấm than và dấu ngoặc kép cũng được sử dụng nhằm nhấn mạnh ý nghĩa đánh giá. Điểm khác thú vị trong câu chuyện *Cô chủ nhà tí hon* là phạm trù *phán xét* tích cực được sử dụng nhiều nhất để biểu dương hành vi lễ phép của bé Vân, từ đó khuyến khích các bạn học sinh có những hành vi tương tự với ông bà, cha mẹ và những người lớn tuổi, những ứng xử cơ bản trong bữa cơm. Cách xưng hô “cô chủ tí hon” là một cách mà người ông động viên, khích lệ và đề cao vai trò của bé Vân trong gia đình bởi “cô chủ” là một từ xưng hô nghe rất lớn lao và quan trọng. Có thể coi cách xưng hô này cũng là một ngôn ngữ đánh giá bởi người ông sử dụng nó để đánh giá bé Vân là một người đang trưởng thành dần. Cách gọi này không chỉ giúp bé Vân cảm thấy bản thân đã lớn mà còn khiến em có trách nhiệm hơn với mình và mọi người xung quanh. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các tính từ, các phụ từ để nhấn mạnh thái độ, tình cảm mà hai ông cháu dành cho nhau: đó là tình yêu thương, trân trọng và bao bọc của những người thân trong gia đình với nhau và nhấn mạnh sự lễ phép của Vân. Một điểm đáng chú ý ở đây là hai trong bốn câu hỏi sau khi đọc bài, các tác giả đã hướng học sinh đến việc bày tỏ đánh giá: *Khi được ông gọi là cô chủ nhà tí hon, Vân cảm thấy thế nào? Vì sao? Khi có khách, em sẽ làm gì để giống một người chủ nhà tí hon?*

Sau đây là bảng tổng hợp so sánh nội dung liên quan đến đánh giá trong hai câu chuyện:

Tiêu chí	<i>Sam at the cinema</i>	<i>Cô chủ nhà tí hon</i>
Thái độ đánh giá	Sử dụng chủ yếu ngôn ngữ đánh giá mang tính tiêu cực.	Sử dụng nhiều ngôn ngữ đánh giá mang tính tích cực.
Hoàn cảnh đánh giá	Ứng xử ở nơi công cộng, với người lạ.	Ứng xử trong gia đình, mối quan hệ giữa ông bà, bề trên, bề dưới.
Ý nghĩa của việc sử dụng ngôn ngữ đánh giá	Sử dụng ngôn ngữ đánh giá thể hiện hành vi chưa đúng mực với mục đích răn dạy các em nhỏ không nên có những hành vi như vậy ở nơi công cộng.	Sử dụng ngôn ngữ đánh giá thể hiện hành vi đúng mực trong ứng xử với mong muốn các em nhỏ noi theo.
Cách thể hiện ngôn ngữ đánh giá được sử dụng nhiều	Được sử dụng gián tiếp: không trực tiếp <i>phán xét</i> hành vi, nhưng thông qua <i>tác động</i> các chi tiết, học sinh có thể hiểu được không nên học theo hành vi đó.	Được sử dụng trực tiếp: <i>phán xét</i> hành vi để học sinh có thể hiểu được đó là cách hành vi đúng, cần noi gương theo.

### 3. Kết luận

Việc lựa chọn, điều chỉnh và bổ sung ngữ liệu giảng dạy và thiết kế các hoạt động tìm hiểu bài, các câu hỏi đọc hiểu sao cho học sinh từng bước nắm vững được kiến thức bài học là điều hết sức quan trọng. Bài nghiên cứu của chúng tôi nhằm mục đích tìm hiểu nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt cấp tiểu học trọng tâm là nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá thể hiện chức năng liên nhân trong sách giáo khoa *Tiếng Việt lớp 2*, một vấn đề vẫn còn rất mới mẻ. Ở bài báo này, chúng tôi lựa chọn so sánh nội dung đọc hiểu ngôn ngữ quốc gia ở tiểu học cụ thể là lớp 2 của Việt Nam và Singapore - một nước có nền giáo dục phát triển trong khu vực để làm nền tảng cơ bản cho những ý tưởng đổi mới về phương pháp dạy học ngôn ngữ đánh giá. Từ đó đưa ra những đề xuất, ý tưởng ban đầu của việc dạy học ngôn ngữ đánh giá cho HS tiểu học cụ thể là lớp 2. Đồng thời, thông qua bài viết này các nhà giáo dục có thể tham khảo để đưa ra các câu

hỏi đọc hiểu hỗ trợ học sinh tìm hiểu nội dung, ngôn ngữ đánh giá trong văn bản, nắm được nội dung bài đọc một cách sâu sắc, có hiệu quả cao. Từ những bước đi ban đầu như vậy, hi vọng rằng các em có thể phát huy khả năng đánh giá và tự tin trình bày cảm nhận của bản thân không chỉ là trong văn học mà xa hơn là trong đời sống sinh hoạt của chính các em.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục & Đào tạo, 2018. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018.
- [2] Halliday, M. A. K., & Matthiessen, C. M. I. M., 2014. *Halliday's introduction to functional grammar* (4th ed.). New York, NY: Routledge.
- [3] Schleppegrell, M. J., 2004. *The language of schooling: A functional linguistics perspective*. Mahwah, NJ: Erlbaum.
- [4] Halliday, M.A.K., & Hasan, R., 1994. *Cohesion in English*. Longman
- [5] Eggins, S., 2004. *Introduction to systemic functional linguistics*. London, UK: A&C Black.
- [6] Martin, J. R., & Rose, D., 2007. *Working with discourse: Meaning beyond the clause* (2nd ed.). London, UK: Continuum.
- [7] Martin, J. R., & Rose, D., 2008. *Genre relations: Mapping culture*. New York, NY: Equinox.
- [8] Martin, J. R., & White, P. R., 2005. *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. London/New York: Palgrave/Macmillan.
- [9] Võ Nguyễn Thùy Trang, 2017. Ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí Tiếng Anh và Tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa* (ISSN 2525-2674). Tập 1, số 3.
- [10] Nguyễn Thị Hương Lan, 2017. Bước đầu khảo sát ngôn ngữ đánh giá trong chương trình tiếng Việt lớp 3 (Preliminary investigation into language of evaluation in “Vietnamese 3” textbook). *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Ngôn ngữ học Việt Nam – 30 năm đổi mới và phát triển (The linguistics of Vietnam – 30 years of renovation and development)* (ISBN: 987-604-944-970-3). Nxb Khoa học Xã hội. Trang 1339 – 1346.
- [11] Humphrey, S., Droga, L., & Feez, S., 2012. *Grammar and Meaning*. Primary English Teaching Association Australia.

### ABSTRACT

#### **Language of evaluation in Primary school textbooks in Singapore and Vietnam (A preliminary investigation into Textbook Grade 2)**

Nguyen Thi Huong Lan<sup>\*1</sup>, Pham Linh Trang<sup>2</sup>, Nguyen Thu Trang<sup>2</sup> và Ngo Bang Tam<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Faculty of English, Hanoi National University of Education*

<sup>2</sup>*Faculty of Primary Education, Hanoi National University of Education*

In the two sets of language arts textbooks in Singapore (My pals are here! English 2) and in Vietnam (Chan troi sang tao, Grade 2), there is a pair of reading texts with the same topic about the behavior of the characters. In this article, we adopted the Appraisal Framework (Martin and White, 2005) to analyze the evaluative language used in the two texts. From the analysis, we compared the similarities and differences in the way evaluation is expressed through language. The research findings can not only help textbook writers consider making more suggestions about the materials included in the curriculum, but also help teachers develop teaching materials as well as preparing lesson plans. The ultimate goal is to make contributions to the teaching of the new textbooks more effectively.

**Keywords:** textbooks, Appraisal Framework, evaluative language.